

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP.ĐĐ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 390/2022/DS-ST
Ngày: 14/02/2022
V/v Tranh chấp về Hợp đồng dân
sự vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.ĐĐ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước;
2. Bà Võ Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân TP.ĐĐ, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.ĐĐ, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP.ĐĐ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 304/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6204/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: QTDNDĐSG

Địa chỉ: Kios số 10-11 tầng trệt chung cư R7, khu tái định cư 38.4ha, KP3, đường D1, phường BK, Quận H (nay là khu phố 7, đường ATCC, phường AK, TP.ĐĐ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông TNT– Địa chỉ: Ấp PT A, xã PL, huyện PT, tỉnh AG – Địa chỉ liên hệ: số 18/17 đường số 94, phường AK, TP.ĐĐ, Thành phố Hồ Chí Minh - là Người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 52/GUQ-ĐSG lập ngày 09/11/2021) (có mặt)

2. Bị đơn: Bà NTT, sinh năm: 1968 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 6 KP3, phường AP, TP.ĐĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, QTDNDĐSG do ông TNT là Người đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Ngày 06/11/2018, bà NTT và bà LTN ký kết Hợp đồng tín dụng số 437-2018/HĐTD-ĐSG với QTDNDĐSG để vay số tiền 33.000.000đồng; lãi suất cho vay do 02 bên thỏa Tận tại hợp đồng là 2,1%/tháng; thời hạn vay là 36 tháng từ ngày 06/11/2018 đến ngày 06/11/2021; hình thức vay là không có tài sản đảm bảo; phương thức thanh toán là bà T và bà N phải thanh toán số tiền gốc và lãi cho QTDNDĐSG vào ngày 06 hằng tháng.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà T và bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo khoản 11 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng.

- Ngày 08/4/2021, QTDNDĐSG nộp Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân TP.ĐB buộc bà T và bà N trả lại cho QTDNDĐSG số tiền nợ gốc là 16.804.000đồng, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 24/3/2021 là 1.086.000đồng, lãi phạt quá hạn tạm tính đến ngày 24/3/2021 là 1.341.000đồng; tiền lãi tiếp tục được tính theo hợp đồng các bên đã cam kết cho đến khi bà T và bà N thực hiện nghĩa vụ tương ứng với thời gian và số tiền chưa thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án,

- Ngày 14/6/2021, Người đại diện theo ủy quyền của QTDNDĐSG trình bày tính đến ngày 14/6/2021, số nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 437-2018/HĐTD-ĐSG là 15.116.000đồng, tiền lãi trong hạn là 1.441.000đồng, tiền lãi quá hạn là 198.000đồng, lãi chậm trả là 20.000đồng; thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu bà NTT chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, các khoản tiền lãi cho QTDNDĐSG; không yêu cầu bà N chịu trách nhiệm liên đới cùng bà T.

Bị đơn, bà NTT xác nhận vào ngày 06/11/2018, bà T và bà LTN và QTDNDĐSG có ký kết hợp đồng tín dụng số 437-2018/HĐTD-ĐSG với các nội dung thỏa Tận đúng như QTDNDĐSG trình bày tại Đơn khởi kiện. Ngoài ra, bà T còn trình bày:

- Số tiền vay 33.000.000đồng mà bà T và bà N ký vay từ QTDNDĐSG chỉ duy nhất bà T nhận, bà N chỉ ký tên tại Hợp đồng tín dụng số 437-2018 HĐTD-ĐSG cho đủ thủ tục theo yêu cầu của QTDNDĐSG, thực tế bà N không nhận bất cứ khoản tiền nào từ số tiền 33.000.000đồng nêu trên. Số tiền 33.000.000đồng bà T vay là nhằm sử dụng cho sinh hoạt cá nhân, chồng bà T không biết và bà T cũng không thông báo cho chồng. Nay QTDNDĐSG khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ thì bà T đồng ý trả nợ nhưng đề nghị được trả mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bà NTT trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn thiếu là 14.616.000đồng, số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 06/02/2021 đến ngày 05/4/2021 với lãi suất 25,2%/năm là 673.000đồng, số tiền lãi quá hạn tính từ

ngày 06/4/2021 đến ngày 14/02/2022 với lãi suất 37,8%/năm là 4.923.000đồng, ngoài các yêu cầu này, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

- Bị đơn bà NTT có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.ĐĐ, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; xác định thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, tư cách đương sự, T chấp chứng cứ, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật; tuy nhiên có vi phạm về thời gian chuẩn bị xét xử vụ án; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật:

QTDNDĐSG khởi kiện yêu cầu bà NTT và bà LTN trả lại số tiền nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 437-2018/HĐTD-ĐSG ngày 06/11/2018. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đây là vụ án “Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[1.2] Về xác định người tham gia tố tụng:

- Ngày 14/6/2021, Người đại diện theo ủy quyền của QTDNDĐSG xác định thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà LTN có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ Hợp đồng tín dụng số 437-2018/HĐTD-ĐSG ngày 06/11/2018. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự “...Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”, do đó, Hội đồng xét xử xác định lại là bà LTN không phải là Bị đơn trong vụ án.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết:

Tại thời điểm QTDNDĐSG nộp đơn khởi kiện, bà NTT cư trú tại TP.ĐĐ. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án Tộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân TP.ĐĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Bị đơn bà NTT có Đơn đề nghị được vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] QTDNDĐSG yêu cầu bà NTT phải trả số tiền nợ gốc còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 437-2018/HĐTD-ĐSG ngày 06/11/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14/02/2022) là 14.616.000đồng

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/12/2021 đối với bà NTT, bà T xác nhận việc ký kết và nhận số tiền 33.000.000đồng của QTDNDĐSG theo Hợp đồng tín dụng số 437-2018/HĐTD-ĐSG ngày 06/11/2018 nhưng không nhớ chính xác số tiền nợ gốc đã trả QTDNDĐSG và không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho số tiền nợ bà T đã trả.

Tại Bảng tổng hợp số tiền khách hàng còn phải thanh toán do QTDNDĐSG nộp ngày 14/02/2022, số tiền nợ gốc bà T chưa thanh toán là 14.616.000đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của QTDNDĐSG là buộc bà T phải trả cho QTDNDĐSG số tiền nợ gốc chưa thanh toán 14.616.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] QTDNDĐSG yêu cầu bà NTT phải trả tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 437-2018/HĐTD-ĐSG ngày 06/11/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14/01/2022)

Theo Hợp đồng tín dụng số 437-2018/HĐTD-ĐSG ngày 06/11/2018, các bên thỏa Tận mức lãi suất vay là 2,1%/tháng tính trên dư nợ vay thực tế (tương đương 1,2%/tháng tính trên số tiền vay đầu); mức lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; mức lãi suất lãi chậm trả là 0,83%/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả lãi trong hạn và lãi quá hạn. Căn cứ khoản 6 Điều 4, khoản 2 Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất các bên đã thỏa Tận tại Hợp đồng số 437 nêu trên.

- Về tiền lãi trong hạn (tính từ ngày 06/02/2021 đến ngày 05/4/2021), mức lãi suất 25,2%/năm nên số tiền lãi trong hạn bà T phải trả là 673.000đồng

- Về tiền lãi quá hạn (tính từ ngày 06/4/2021 đến ngày 14/02/2022), mức lãi suất 37,8%/năm nên số tiền lãi quá hạn bà T phải trả là 4.923.000đồng

Từ [2.1] và [2.2], tổng số tiền bà T phải trả cho QTDNDĐSG tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/02/2022) là 20.212.000đ (Hai mươi triệu hai trăm mười hai ngàn đồng)

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà NTT phải chịu án phí dân sự: 20.212.000đồng x 5% = 1.010.600đ (Một triệu không trăm mười ngàn sáu trăm đồng)

QTDNDĐSG không phải nộp án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.ĐĐ được Hội đồng xét xử xem xét như nhận định trên

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 4, khoản 2 Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn QTDNDĐSG là buộc bà NTT có trách nhiệm trả cho QTDNDĐSG số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 437-2018/HĐTD-ĐSG ngày 06/11/2018 là 14.616.000đồng và tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/02/2022), tiền lãi trong hạn là 673.000đồng, tiền lãi quá hạn là 4.923.000đồng, tổng cộng tính đến ngày xét xử (ngày 14/02/2022) là 20.212.000đ (Hai mươi triệu hai trăm mười hai ngàn đồng).

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa Tận tại Hợp đồng tín dụng số 437-2018/HĐTD-ĐSG ngày 06/11/2018 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà NTT phải nộp án phí là 1.010.600đ (Một triệu không trăm mười ngàn sáu trăm đồng)

- QTDNDĐSG không phải nộp án phí; trả lại cho QTDNDĐSG số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 480.775đ (Bốn trăm tám mươi ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng) theo Biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0028628 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.ĐĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ Bản án.

Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Hải Quỳnh Anh